

DANH SÁCH XÉT SINH VIÊN TỐT NGHIỆP K17 ĐỢT THÁNG 10 NĂM 2023 HỆ CHÍNH QUY (DỰ KIẾN)

1/ NGÀNH: BÁO CHÍ K17

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TL	STC TL	XẾP LOẠI HỌC TẬP	Điểm GDTC
1	DTZ1957320101007	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	11.05.2001	Thanh Hóa	3.24	138	Giỏi	7.87
2	DTZ1957320101011	Lê Hoàng	Long	Nam	17.12.2001	Quảng Ninh	3.02	138	Khá	6.93
3	DTZ1957320101006	Vũ Văn	Sang	Nam	01.02.2001	Thanh Hóa	3.01	138	Khá	8.60

2/ NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HOÁ HỌC K17

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TL	STC TL	XẾP LOẠI HỌC TẬP	Điểm GDTC
1	DTZ1957510401006	Sùng A	Ba	Nam	08.04.2001	Lai Châu	2.66	136	Khá	6.80
2	DTZ1957510401005	Phó Việt	Hoàng	Nam	25.10.2001	Thái Nguyên	2.55	136	Khá	7.40

3/ NGÀNH: CÔNG NGHỆ SINH HỌC K17

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TL	STC TL	XẾP LOẠI HỌC TẬP	Điểm GDTC
1	DTZ1957420201011	Đặng Minh	Thảo	Nữ	03.10.2001	Yên Bái	2.57	138	Khá	5.13
2	DTZ1957420201004	Lê Đức	Thịnh	Nam	30.12.2001	Thái Nguyên	2.52	138	Khá	7.07
3	DTZ1957420201009	Đình Việt	Anh	Nam	03.09.2001	Ninh Bình	2.47	138	Trung bình	5.93
4	DTZ1957420201027	Nguyễn Anh	Tuân	Nam	02.11.2000	Thái Nguyên	2.37	138	Trung bình	6.33

4/ NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI K17

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TL	STC TL	XẾP LOẠI HỌC TẬP	Điểm GDTC
1	DTZ1957760101008	Hà Diệu	Hương	Nữ	13.07.2000	Bắc Kạn	3.09	137	Khá	6.60
2	DTZ1957760101012	Nông Thùy	Dương	Nữ	16.02.2001	Cao Bằng	2.99	137	Khá	5.60
3	DTZ1957760101009	Mã Nguyễn	Khánh	Nam	23.10.2001	Thái Nguyên	2.98	137	Khá	7.87
4	DTZ1957760101024	Hoàng Thị	Xoan	Nữ	22.09.1999	Bắc Kạn	2.82	137	Khá	8.00

5	DTZ1957760101001	Châu Thị	Rô	Nữ	26.07.2000	Lào Cai	2.74	137	Khá	7.33
6	DTZ1957760101016	Sùng Thị	Dề	Nữ	05.08.2001	Hà Giang	2.66	137	Khá	7.80
7	DTZ1957760101025	Lù Xì	Mé	Nữ	20.10.2001	Lai Châu	2.5	137	Khá	7.13
8	DTZ1957760101002	Chu Thị Minh	Ngọc	Nữ	08.11.2001	Bắc Kạn	2.45	137	Trung bình	5.60

5/ NGÀNH: DU LỊCH K17

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TL	STC TL	XẾP LOẠI HỌC TẬP	Ghi chú
1	DTZ1957810101024	Hoàng Thúy	Hường	Nữ	25.10.2000	Lạng Sơn	3.47	136	Giỏi	7.73
2	DTZ1957810101012	Bàn Thị	Hiền	Nữ	05.08.2001	Hà Giang	3.36	136	Giỏi	7.87
3	DTZ1957810101051	Tuevor	Lomany	Nam	02.03.1999	Thái Nguyên	3.07	137	Khá	8.07
4	DTZ1957810101050	Khampho	Phaimany	Nữ	19.01.1998	Lào Cai	3.01	137	Khá	7.17
5	DTZ1957810101003	Hoàng Thị	Thủy	Nữ	05.02.1998	Cao Bằng	2.96	136	Khá	7.60
6	DTZ1957810101036	Hà Thị	Phương	Nữ	23.04.2000	Hòa Bình	2.91	136	Khá	7.53
7	DTZ1957810101035	Đỗ Lâm	Thảo	Nữ	12.06.2001	Hà Giang	2.76	136	Khá	7.53
8	DTZ1957810101041	Lù Thanh	Trà	Nữ	22.10.2001	Lai Châu	2.73	136	Khá	6.27
9	DTZ1957810101058	Trương Thị	Nhàn	Nữ	07.05.2000	Bắc Kạn	2.71	136	Khá	7.47

6/ NGÀNH: KHOA HỌC QUẢN LÝ K17

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TL	STC TL	XẾP LOẠI HỌC TẬP	Ghi chú
1	DTZ1957340401031	Nguyễn Đức	Hiền	Nam	15.10.2001	Yên Bái	2.82	137	Khá	6.67
2	DTZ1957340401027	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	16.12.2001	Yên Bái	2.64	137	Khá	5.07
3	DTZ1957340401019	Trần Trung	Hiếu	Nam	12.10.2001	Thái Nguyên	2.50	137	Khá	7.60
4	DTZ1957340401016	Trần Thị	Huế	Nữ	13.04.2001	Thái Nguyên	2.46	137	Trung bình	6.40

7/ NGÀNH: THÔNG TIN THƯ VIỆN K17

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TL	STC TL	XẾP LOẠI HỌC TẬP	GDTC
-----	-------	-----------	--	-----------	-----------	----------	--------	--------	------------------	------

1	DTZ1957320202002	YIM	KEOPHOMMY	Nữ	03.03.1998	Lào	3.59	136	Giỏi	7.67
2	DTZ1957320202001	TANOY	SINGVILAY	Nữ	17.08.1999	Lào	3.46	136	Giỏi	7.93

8/ NGÀNH: LUẬT K17

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TL	STC TL	XẾP LOẠI HỌC TẬP	Ghi chú
1	DTZ1957380101007	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	10.11.2001	Quảng Ninh	3.16	136	Khá	6.60
2	DTZ1957380101008	Đàm Văn	Giang	Nam	26.01.2001	Thái Nguyên	2.97	136	Khá	6.00
3	DTZ1957380101025	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	05.03.2001	Thái Nguyên	2.81	137	Khá	6.13
4	DTZ1957380101064	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	18.01.2001	Phú Thọ	2.69	137	Khá	6.93
5	DTZ1957380101102	Lý Xuân	Hải	Nam	15.05.2001	Lai Châu	2.66	136	Khá	7.87
6	DTZ1957380101069	Lò Xuân	Hòa	Nam	12.03.2001	Điện Biên	2.52	137	Khá	6.53
7	DTZ1957380101032	Thào Thị	Nếnh	Nữ	29.05.2001	Sơn La	2.51	136	Khá	6.80
8	DTZ1957380101053	Chang Gạ	De	Nữ	12.09.2001	Lai Châu	2.43	136	Trung bình	6.07
9	DTZ1957380101018	Ma Thu	Hòa	Nữ	12.10.2001	Bắc Kạn	2.43	136	Trung bình	5.47
10	DTZ1957380101015	Giàng A	Tàng	Nam	08.07.2001	Lai Châu	2.28	136	Trung bình	7.60
11	DTZ1957380101024	Lê Thị	Thiều	Nữ	10.12.2001	Thái Nguyên	2.14	136	Trung bình	5.87
12	DTZ1957380101039	Lò Tuấn	Anh	Nam	16.01.2001	Lai Châu	2.09	137	Trung bình	7.53
13	DTZ1957380101014	Nghiêm Ngọc	Quỳnh	Nữ	28.08.2000	Bắc Kạn	2.56	134	Chưa đủ tích lũy	6.67

9/ NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH K17

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TL	STC TL	XẾP LOẠI HỌC TẬP	Ghi chú
1	DTZ1957220201020	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	13.10.2000	Bắc Giang	3.75	136	Xuất sắc	7.07
2	DTZ1957220201023	Thào Thị	Thúy	Nữ	25.09.1999	Bắc Kạn	3.31	136	Giỏi	7.53
3	DTZ1957220201034	Lô Khương	Duy	Nam	23.01.2001	Bắc Kạn	2.83	136	Khá	7.07
4	DTZ1957220201015	Đào Xuân	Bắc	Nam	12.04.2001	Thái Nguyên	2.59	136	Khá	6.13

5	DTZ1957220201047	Trần Danh Thùy	Huệ	Nữ	20.02.2001	Thái Nguyên	2.53	136	Khá	6.00
6	DTZ1957220201051	Trần Thị Thảo	Nguyên	Nữ	09.05.2001	Thái Nguyên	2.53	136	Khá	5.33
7	DTZ1957220201006	Dương Mạnh	Ninh	Nam	28.05.2000	Quảng Ninh	2.30	136	Trung bình	5.00

10/ NGÀNH: QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG K17

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TL	STC TL	XẾP LOẠI HỌC TẬP	Ghi chú
1	DTZ1957850101003	Nguyễn Trần Phương	Nam	Nam	21.12.2000	Thái Nguyên	2.71	136	Khá	6.53
2	DTZ1957850101007	Đèo Văn	Thắng	Nam	23.02.2001	Lai Châu	2.62	137	Khá	6.27

11/ NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH K17

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TL	STC TL	XẾP LOẠI HỌC TẬP	Ghi chú
1	DTZ1957810103085	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	25.05.2001	Thái Nguyên	3.79	136	Xuất sắc	6.60
2	DTZ1957810103076	Đào Huyền	Tri	Nữ	02.08.2001	Thái Nguyên	3.62	136	Xuất sắc	8.07
3	DTZ1957810103072	Dương Văn	Đạt	Nam	03.01.2001	Quảng Ninh	3.59	136	Giỏi	7.13
4	DTZ1957810103016	Lù Thị	Phương	Nữ	23.03.2001	Hà Giang	3.54	136	Giỏi	7.53
5	DTZ1957810103051	Lăng Thị	Luận	Nữ	08.11.2000	Tuyên Quang	3.44	136	Giỏi	6.67
6	DTZ1957810103009	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	14.10.2001	Thái Nguyên	3.42	136	Giỏi	6.60
7	DTZ1957810103038	Xin Thị	Phương	Nữ	26.08.2000	Hà Giang	3.41	136	Giỏi	6.60
8	DTZ1957810103032	Vũ Thị	Nhị	Nữ	21.11.2001	Thái Nguyên	3.40	136	Giỏi	6.13
9	DTZ1957810103081	Dương Thị	Thương	Nữ	31.10.2001	Sơn La	3.37	136	Giỏi	5.87
10	DTZ1957810103021	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	27.02.2001	Thái Nguyên	3.33	136	Giỏi	7.80
11	DTZ1957810103024	Trần Thị Hồng	Cầm	Nữ	14.10.2001	Thái Nguyên	3.32	136	Giỏi	5.87
12	DTZ1957810103004	Lê Thị Thanh	Huế	Nữ	22.10.2001	Thái Nguyên	3.30	136	Giỏi	6.53
13	DTZ1957810103023	Vũ Thị Ngọc	Mai	Nữ	10.09.2001	Thái Nguyên	3.25	136	Giỏi	6.33
14	DTZ1957810103095	Ma Thị	Linh	Nữ	27.06.2001	Tuyên Quang	3.19	136	Khá	6.20

15	DTZ1957810103052	Sầm Thị Hương	Giang	Nữ	12.09.2001	Lào Cai	3.16	136	Khá	6.27
16	DTZ1957810103029	Nguyễn Khắc	Long	Nam	02.11.2001	Vĩnh Phúc	3.15	136	Khá	6.37
17	DTZ1957810103010	Nguyễn Thị	Toàn	Nữ	17.04.2001	Thái Nguyên	3.15	136	Khá	6.50
18	DTZ1957810103017	Lò Thị	Diễn	Nữ	20.08.2001	Lào Cai	3.13	136	Khá	5.53
19	DTZ1957810103065	Ngô Nguyệt	Quỳnh	Nữ	11.08.2001	Thái Nguyên	3.12	136	Khá	5.80
20	DTZ1957810103097	Dương Văn	Trường	Nam	23.05.2001	Tuyên Quang	3.10	136	Khá	7.07
21	DTZ1957810103019	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	03.09.2001	Thái Nguyên	3.07	136	Khá	5.53
22	DTZ1957810103077	Trang Ngọc	Lâm	Nam	06.04.2001	Thái Nguyên	3.04	136	Khá	6.47
23	DTZ1957810103100	Quan Thu	Sim	Nữ	07.10.2001	Thái Nguyên	3.00	136	Khá	6.60
24	DTZ1957810103030	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	09.08.2001	Thái Nguyên	2.98	136	Khá	6.17
25	DTZ1957810103046	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	17.08.2001	Yên Bái	2.96	136	Khá	6.83
26	DTZ1957810103031	Bùi Thị	Trang	Nữ	18.07.2001	Bắc Giang	2.96	136	Khá	6.97
27	DTZ1957810103068	Nguyễn Đức	Thái	Nam	04.12.2001	Bắc Kạn	2.95	136	Khá	6.47
28	DTZ1957810103105	Pali	Thepbouasy	Nữ	13.01.1996	Lào	2.94	137	Khá	6.70
29	DTZ1957810103113	Lương Thị Ngọc	Ly	Nữ	18.12.2001	Thái Nguyên	2.88	136	Khá	6.20
30	DTZ1957810103114	Lê Công	Nguyên	Nam	10.01.2000	Thái Nguyên	2.88	136	Khá	6.33
31	DTZ1957810103048	Trịnh Thúy	Quỳnh	Nữ	11.10.2001	Thái Nguyên	2.86	136	Khá	5.27
32	DTZ1957810103060	Lường Thị Quỳnh	Trang	Nữ	15.10.2001	Bắc Kạn	2.84	136	Khá	7.20
33	DTZ1957810103096	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	05.01.2001	Thái Nguyên	2.83	136	Khá	7.13
34	DTZ1957810103013	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	10.02.2001	Hà Nội	2.74	136	Khá	7.10
35	DTZ1957810103088	Trần Lan	Anh	Nữ	21.04.2001	Thái Nguyên	2.72	136	Khá	6.13
36	DTZ1957810103036	Nguyễn Đức	Toàn	Nam	01.04.2001	Cao Bằng	2.72	136	Khá	6.13
37	DTZ1957810103111	Phạm Yến	Trang	Nữ	14.08.2001	Thái Nguyên	2.71	136	Khá	6.07
38	DTZ1957810103043	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	05.03.2001	Thái Nguyên	2.56	136	Khá	7.07

39	DTZ1957810103049	Ma Văn	Quang	Nam	16.08.2001	Lạng Sơn	2.40	136	Trung bình	5.77
----	------------------	--------	-------	-----	------------	----------	------	-----	------------	------

Ấn định danh sách: 93 sinh viên

Xếp loại học tập:		Số lượng
1	Xuất sắc	3
2	Giỏi	17
3	Khá	61
4	Trung Bình	11
5	Chưa đủ tích lũy	1
6	Tổng số sinh viên nộp đơn TN	93

Ghi chú:

- Nghiêm Ngọc Quỳnh Luật K17A: Thiếu học phần Chứng minh trong tố tụng hình sự (2TC)
- Đèo Văn Thắng QLTNMT K17: Học học phần Giải tích B (4 TC) thay thế học phần Giải tích 1 (3TC), nâng số TCTL: 137/136